



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Kinh doanh số

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	29	8,0	1	th	lẻ
2	000002	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	28	8,8	1	th	chẵn
3	000003	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	27	8,8	1	Anh	lẻ
4	000004	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	26	7,8=0	1	CH	chẵn 5 ²
5	000005	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	01	25	7,3	1	th	lẻ
6	000006	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	24	8,3	1	th	chẵn
7	000007	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01	23	6,8	1	gle	lẻ
8	000008	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	22	4,8	1	th	chẵn
9	000009	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	01	21	8,5	1	Anh	lẻ
10	000010	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01	20	4,8	1	th	chẵn
11	000011	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	19	6,0	1	th	lẻ
12	000012	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	18	7,5	1	Anh	chẵn
13	000013	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	01					HP,ĐK
14	000014	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	17	6,8	1	th	chẵn
15	000015	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	01	16	7,8	1	Bình	lẻ
16	000016	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	15	4,5	1	th	chẵn
17	000017	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	14	7,0	1	th	lẻ
18	000018	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM11A	01	13	4,5	1	th	chẵn
19	000019	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	12	8,3	1	Duyên	lẻ
20	000020	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	11	7,0	1	Duyên	chẵn
21	000021	1101030533	Nguyễn Thu	Giang	31/12/2005	QM11A	01	10	7,0	1	Giang	lẻ
22	000022	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	9	6,8	1	th	chẵn
23	000023	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	8	8,3	1	th	lẻ
24	000024	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	7	6,3	1	th	chẵn
25	000025	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	6	8,3	1	th	lẻ
26	000026	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	5	7,0	1	th	chẵn
27	000027	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	4	6,8	1	th	lẻ
28	000028	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	3	6,8	1	th	chẵn
29	000029	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	2	6,8	1	th	lẻ
30	000030	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	1	6,5	1	th	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....29

Tổng số tờ giấy thi:.....29

Tổng số biên bản:.....1

Ngày 7... tháng 1... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu Huyền
Đặng Thị Mai



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Kinh doanh số

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000031	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	01	30	6,8	1	Hồng	lẻ
2	000032	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01	31	7,8	1	Khánh	chẵn
3	000033	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	01	32	9,0	1	Lan	lẻ
4	000034	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	01	33	7,0	1	Linh	chẵn
5	000035	1101030596	Lê Thuý	Linh	04/09/2005	QM11A	01	37	8,0	1	Linh	lẻ
6	000036	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01	34	5,5	1	Linh	chẵn
7	000037	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	01	35	6,5	1	Long	lẻ
8	000038	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	01	36	4,0	1	Ly	chẵn
9	000039	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	01	38	7,0	1	Mai	lẻ
10	000040	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	01	39	5,5	1	Mạnh	chẵn
11	000041	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01	40	7,5	1	Nga	lẻ
12	000042	1101030650	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	QM11A	01	41	7,8	1	Nguyên	chẵn
13	000043	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	01	42	7,8	1	Nhung	lẻ
14	000044	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	01	43	5,3	1	Oanh	chẵn
15	000045	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	01	44	6,3	1	Phuong	lẻ
16	000046	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	01	45	7,5	1	Quân	chẵn
17	000047	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	46	5,8	1	Quỳnh	lẻ
18	000048	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	01	47	7,5	1	Thắng	chẵn
19	000049	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	01	48	8,0	1	Thảo	lẻ
20	000050	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	01	49	6,8	1	Thịnh	chẵn
21	000051	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	01	50	6,8	1	Thư	lẻ
22	000052	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	01	51	7,3	1	Thúy	chẵn
23	000053	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	01	52	6,3	1	Trà	lẻ
24	000054	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	01	53	8,5	1	Trang	chẵn
25	000055	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01	54	7,8	1	Trúc	lẻ
26	000056	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	01	55	7,0	1	Tùng	chẵn
27	000057	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	01	56	8,8	1	Tùng	lẻ
28	000058	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	01	57	8,8	1	Yến	chẵn
29	000059	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	01	58	7,0	1	Yến	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi: 29....

Tổng số biên bản: 0....

Ngày ... tháng 01. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hồng Thủy

Lê Hoàng Kỳ